|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****HUYỆN CÔ TÔ**Số: 972/ĐA-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Cô Tô, ngày 16 tháng 5 năm 2024* |

**ĐỀ ÁN**

**Sáp nhập Trường THCS Thị trấn Cô Tô vào Trường THPT Cô Tô**

**thành Trường THCS&THPT Cô Tô thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo**

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN, CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC XÂY DỰNG ĐỀ ÁN SÁP NHẬP**

Trường Trung học cơ sở (THCS) và Trung học phổ thông (THPT) là loại hình trường công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Hiện nay, trên địa bàn Thị trấn huyện Cô Tô có 02 trường là trường THCS Thị trấn Cô Tô và trường THPT Cô Tô. Cơ sở vật chất của trường THCS thị trấn hiện nay đã xuống cấp, còn thiếu phòng học bộ môn, phòng hỗ trợ học tập, khu sân chơi thể dục thể thao chưa đáp ứng yêu cầu..., cụ thể:

- Trường THCS Thị trấn Cô Tô có 08 lớp, 240 học sinh; tổng diện tích khuôn viên hiện tại của nhà trường là 6.003,4m2; trung bình: 6.003,4/240 = 25m²/HS.

- Trường THPT Cô Tô có 09 lớp, 247 học sinh; tổng diện tích 16.214m2 (trong đó: Khối nhà học lý thuyết 03 tầng có 12 phòng học. Khối nhà học bộ môn 03 tầng có 6 phòng. Khối nhà hành chính quản trị và phục vụ học tập 02 tầng. Nhà tập đa năng 01 tầng. Khối nhà công vụ dành cho giáo viên 02 tầng gồm 12 phòng ở ghép, nhà ăn. Khối nhà ở nội trú dành cho học sinh 01 tầng. Nhà để xe. Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà trực bảo vệ, cổng, tường rào, bể chứa nước sinh hoạt và cứu hỏa, bồn cây xanh, hệ thống cấp nước, thoát nước ngoài nhà...phòng học: 12 phòng lý thuyết; 06 phòng học bộ môn.

Theo lộ trình kế hoạch phát triển giáo dục thì quy mô số lớp, học sinh của 2 trường trên như sau:

| **Năm học** | **THCS** | **THPT** | **Tổng toàn trường** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Số HS** | **Số lớp** | **Số HS** | **Số lớp** | **Số HS** |
| 2024 - 2025 | 8 | 263 | 9 | 250 | 17 | 513 |
| 2025 - 2026 | 8 | 279 | 9 | 269 | 17 | 548 |
| 2026 - 2027 | 8 | 279 | 9 | 284 | 17 | 563 |
| 2027 - 2028 | 8 | 267 | 9 | 311 | 17 | 578 |
| 2028 - 2029 | 8 | 266 | 9 | 335 | 17 | 601 |
| 2029 - 2030 | 8 | 281 | 10 | 375 | 18 | 656 |
| 2030 - 2031 | 8 | 288 | 10 | 347 | 18 | 635 |

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh Quảng Ninh về việc tinh giảm đơn vị sự nghiệp công lập gắn với tinh giản biên chế, chủ trương của tỉnh Quảng Ninh về việc có phương án sáp nhập trường THCS và trường THPT ở những nơi có đủ điều kiện để thực hiện sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, xây dựng tại mỗi huyện ít nhất 01 một trường phổ thông công lập theo tiêu chí chất lượng cao ở cấp học giáo dục phổ thông nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng phục vụ cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội địa phương là chủ trương đúng đắn, phù hợp, đáp ứng nguyện vọng và nhu cầu mong muốn của nhân dân.

Giai đoạn trước năm 2006, trường THCS thị trấn và THPT Cô Tô đã thực hiện mô hình một đầu mối quản lý và dùng chung cơ sở vật chất. Đến tháng 9/2006 thì tách ra như hiện nay.

Hiện tại huyện Cô Tô có dân số ít, chủ trương khong tăng dân số cơ học, do vậy việc tăng số học sinh, số lớp hàng năm chậm. Do đó việc sáp nhập nhằm tận dụng cơ sở vật chất dùng chung, tránh lãng phí là cần thiết.

Theo quy hoạch chung xâ dựng huyện Cô Tô hiện nay, theo Quyết định số 3898/QĐ-UBND của UBND tỉnh thì trường THPT Cô Tô hiện nay thuộc quy hoạch sân bay, do vậy cần bố trí quỹ đất mới để chuyển trường khi đủ điều kiện.

 Vì vậy, để triển khai bổ sung cơ sở vật chất cho cả 2 trường học phổ thông tại địa bàn thị trấn huyện Cô Tô thì phương án sáp nhập Trường THCS Thị trấn Cô Tô vào Trường THPT Cô Tô thành Trường THCS&THPT Cô Tô, từ đó xây dựng và triển khai dự án đầu tư trường THCS&THPT Cô Tô đáp ứng kế hoạch phát triển giáo dục, đảm bảo tiêu chuẩn cơ sở vật chất quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học theo tiêu chí chất lượng cao, nhằm nâng cao chất lượng giáo dục cấp phổ thông trên địa bàn.

**II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

1. **Các văn bản chỉ đạo, quy định của Trung ương**

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, ngày 17/7/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

Căn cứ Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới, hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 135/2018/NĐ-CP, ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 46/2017/NĐ-CP, ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 127/2018/NĐ-CP, ngày 21/9/2018 của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Căn cứ Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông.

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP, ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**2. Các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh**

Căn cứ Chương trình hành động số 21-CTr/TU, ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

Căn cứ chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 555-TB/TU, ngày 30/3/2022 về Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số nội dung trình Kỳ họp thứ 7 (kỳ họp chuyên đề) của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2021 - 2026: “*Cân đối nguồn lực để đầu tư xây dựng tại mỗi huyện, thị xã một trường THPT chất lượng cao, có phương án gộp trường THCS và trường THPT ở những nơi có đủ điều kiện để thực hiện sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trước mắt ưu tiên nguồn lực ở những nơi còn nhiều khó khăn*”; chỉ đạo của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Thông báo số 159-TB/BCS, ngày 16/4/2022 của ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh về ý kiến kết luận của Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh tại cuộc họp ngày 16/4/2022: “*Lựa chọn đầu tư xây dựng tại mỗi huyện, thị xã, thành phố một trường THPT, THCS, hoặc liên cấp... đáp ứng yêu cầu giáo dục chất lượng cao, đặc biệt ưu tiên, quan tâm tới các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, địa phương tập trung khu công nghiệp, những địa phương cần hoàn thành mục tiêu nông thôn mới trong năm 2022, các trường học đã cũ, hết niên hạn sử dụng theo quy định*”;

Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 05/9/2023 của Tỉnh ủy Quảng Ninh về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước trong nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2023 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch hành động số 281/KH-UBND, ngày 10/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về triển khai Chỉ thị số 38-CT/TU, ngày 05/9/2023 của Tỉnh ủy: “*Tiếp tục củng cố và hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục; đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị dạy học... thực hiện đúng tiến độ kế hoạch xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Tập trung triển khai các dự án xây dựng trường học, đảm bảo tiến độ đầu tư, tỷ lệ giải ngân vốn theo quy định, góp phần phát huy hiệu quả nguồn lực đầu tư, phấn đấu đến năm 2025, hoàn thành mục tiêu mỗi huyện có ít nhất 01 trường học công lập theo tiêu chí chất lượng cao ở mỗi cấp học giáo dục phổ thông; mỗi thành phố, thị xã có 01 trường trung học phổ thông công lập theo tiêu chí chất lượng cao (chuẩn mức độ 2 trở lên) theo Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND, ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 3135/QĐ-UBND, ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh*”;

Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050;

Kế hoạch số 95/KH-UBND, ngày 24/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tinh giản số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh năm 2022 - 2023.

Quyết định số 3155/QĐ-UBND, ngày 23/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Đề án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2022-2025; Quyết định số 3135/QĐ-UBND ,ngày 27/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án cải tạo, sửa chữa, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất ngành Giáo dục tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2022-2025;

Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND, ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp có vốn góp của chủ sở hữu thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Kế hoạch số 240-KH/TU ngày 30/11/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sử dụng và tinh giản biên chế công chức, viên chức tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2022-2026; Kế hoạch số 320/KH-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh về tinh giản biên chế, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Quảng Ninh.

Quyết định số 18/2024/QĐ-UBND, ngày 20/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng công trình sự nghiệp thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND, ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**3. Các văn bản của huyện Cô Tô**

Nghị quyết số 78/NQ-HĐND, ngày 24/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện Cô Tô về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án dự kiến khổi công năm 2023;

Nghị quyết số 112/NQ-HĐND, ngày 25/7/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Cô Tô về việc phê duyệt điểu chỉnh chủ trương các dự án tại Nghị quyết số 78/NQ-HĐND, ngày 24/10/2022 của Hội đồng nhân dân huyện;

Nghị quyết số 145/NQ-HĐND, ngày 26/4/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cô Tô về việc phê duyệt điểu chỉnh chủ trương dự án Trường liên cấp THCS và THPT Cô Tô, huyện Cô Tô (giai đoạn 1);

Quyết định số 663/QĐ-UBND, ngày 17/5/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 trường liên cấp THCS và THPT thị trấn Cô Tô;

**Phần thứ hai**

**THỰC TRẠNG VỀ QUY MÔ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, CƠ SỞ VẬT CHẤT`TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN VÀ TRƯỜNG THPT CÔ TÔ**

**I. TRƯỜNG THCS THỊ TRẤN CÔ TÔ**

**1. Đặc điểm tình hình**

Trường THCS thị trấn là trường có vị trí quan trọng đối với cấp THCS trên địa bàn huyện Cô Tô. Trường THCS thị trấn có một đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên năng động, trẻ trung, nhiệt tình với công việc, tâm huyết với nghề nghiệp, chuyên môn vững vàng, chất lượng giáo dục toàn diện, chất lượng giáo dục mũi nhọn, các phong trào văn hóa, văn nghệ thể dục, thể thao luôn là điểm mạnh nổi bật của nhà trường, là điểm sáng mọi mặt cấp THCS trong toàn huyện.

Nhà trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định Điều lệ trường phổ thông gồm: 01 chi bộ trực thuộc đảng bộ thị trấn (18 đảng viên) và các tổ chức Công đoàn, chi đoàn, liên đội và tổ chuyên môn (tổ tự nhiên, tổ xã hội), tổ Văn phòng, trường hiện có 01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng và 16 giáo viên, 03 nhân viên (nhân viên văn thư - thủ quỹ 01 người, kế toán 01 người, y tế học đường 1 người).

**2. Quy mô lớp, học sinh**

| **STT** | **Số liệu** | **Số lớp** | **Năm học 2021 - 2022** | **Năm học 2022 - 2023** | **Năm học 2023 - 2024** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Tổng số học sinh |  | 209 | 205 | 240 |
| *- Khối lớp 6* | 2 | 2 | 2 | 2 |
| *- Khối lớp 7* | 2 | 2 | 2 | 2 |
| *- Khối lớp 8* | 2 | 2 | 2 | 2 |
| *- Khối lớp 9* | 2 | 2 | 2 | 2 |

**3. Công tác đảm bảo chất lượng và kết quả 2 mặt giáo dục, thành tích nhà trường**

***3.1. Công tác đảm bảo chất lượng và kết quả 2 mặt giáo dục***

Nhà trường tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Áp dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn; các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh được đảm bảo khách quan; vận dụng các hình thức đa dạng, phù hợp với trình độ của học sinh trong nhà trường và bước đầu đạt hiệu quả.

Về chương trình giáo dục địa phương được thực hiện theo kế hoạch; xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp và cập nhật tài liệu kịp thời; có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường; có sự phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia đầy đủ và có chất lượng các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp. Nhà trường luôn chú trọng và có những kế hoạch và tổ chức hoạt động ngoại khóa, tích hợp trong các môn học nhằm rèn kĩ năng sống, đạo đức, lối sống cho học sinh.

\* Kết quả hai mặt giáo dục

- Đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế đánh giá, xếp loại học sinh THCS và THPT:

| **Năm học** | **Tổng số HS** | **Học lực** | **Hạnh kiểm** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Giỏi** | **Khá** | **TB** | **Yếu** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Yếu** |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
| **2020-2021** | 221 | 33 | 15 | 94 | 42,5 | 94 | 42,5 | 0 |  | 153 | 69,2 | 60 | 27,2 | 8 | 3,6 | 0 |  |
| **2021-2022** | 160 | 19 | 11,88 | 67 | 41,88 | 74 | 46,25 | 0 |  | 100 | 62,5 | 45 | 28,12 | 15 | 9,38 | 0 |  |
| **2022-2023** | 100 | 12 | 12 | 43 | 43 | 45 | 45 | 0 |  | 70 | 70 | 25 | 25 | 5 | 5 | 0 |  |

- Đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT, ngày 20/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về đánh giá học sinh THCS và THPT:

| **Năm học** | **Số HS** | **Kết quả học tập** | **Kết quả rèn luyện** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **CĐ** | **Tốt** | **Khá** | **Đạt** | **CĐ** |
| **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** | **SL** | **%** |
|
| **2021 -2022** | 49 | 5 | 10,2 | 20 | 40,82 | 24 | 48,98 | 0 |  | 36 | 73,47 | 10 | 20,41 | 3 | 6,12 |  |  |
| **2022 -2023** | 105 | 11 | 10,48 | 51 | 48,57 | 43 | 4,95 | 0 |  | 72 | 68,57 | 26 | 24,76 | 7 | 6,67 |  |  |

***3.2. Kết quả mũi nhọn, thành tích nhà trường***

**\* Chất lượng mũi nhọn:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Cấp huyện** | **Cấp tỉnh** |
| **Nhất** | **Nhì** | **Ba** | **KK** | **Nhất** | **Nhì** | **Ba** | **KK** |
| 2020 - 2021 | 1 | 3 | 6 | 3 |  |  | 1 | 2 |
| 2021 - 2022 | 1 | 2 | 2 | 5 |  |  | 1 |  |
| 2022 - 2023 | 1 | 3 | 2 | 3 |  |  |  | 2 |

 **4. Về cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (tính đến thời điểm tháng 31/4/2024)**

- Các tổ chuyên môn (01 tổ tự nhiên, 01 tổ xã hội):

+ Tổ tự nhiên: 08 người, gồm giáo viên các bộ môn Toán, Sinh, Hóa, Lý, Tin học, Thể dục.

+ Tổ xã hội: 09 người, gồm các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, tiếng Anh, Mỹ thuật, Âm nhạc.

- 01 tổ Văn phòng (03 người gồm: Văn thư-Thủ quỹ, Kế toán, Y tế học đường)

**-** Chi bộ nhà trường có 18 đảng viên.

- Công đoàn cơ sở có 23 đoàn viên công đoàn (toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, lao động hợp đồng).

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh: 01

- Đội TNTP Hồ Chí Minh: 01

**Tổng số nhân sự có mặt của trường là 23 người (20 biên chế, 03 hợp đồng), trong đó:**

- Cán bộ quản lý: 01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng.

- Giáo viên: Tổng số 16 người, trong đó: Giáo viên Toán 02, giáo viên Lý 01, giáo viên Hóa 01, giáo viên Sinh 01, giáo viên Văn 04, giáo viên Sử 01, giáo viên Địa 01, giáo viên Giáo dục công dân 01, giáo viên Âm nhạc 01, giáo viên Thể dục 01, giáo viên Mỹ thuật 01, giáo viên Tin học 1.

- Nhân viên: Tổng số 04 người (01 kế toán, 01 thiết bị - thư viện, 01 văn thư - thủ quỹ, 01 y tế).

- Hợp đồng: 01 người (bảo vệ - vệ sinh chung).

Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: Hạng I: 0; Hạng II: 10; Hạng III: 7;

*\* Về chất lượng đội ngũ:*

- 100% CB, GV, NV đạt chuẩn, trung cấp chính trị: 09

- 100% CB, GV, NV được xếp loại viên chức từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, số viên chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: 09 đồng chí chiếm 42.86%.

- Hằng năm CB, GV, NV nhà trường đã có nhiều giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Số lượng giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 05 đồng chí chiếm 31.3%. Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 02 (chiếm 12.5% tổng biên chế giáo viên).

**5. Về tài sản và cơ sở vật chất**

***5.1. Về cơ sở vật chất:***

- Diện tích: Tổng diện tích khuôn viên hiện tại của nhà trường là 6.003,4m2. Trung bình: 6.003,4/240 = 25m²/HS.

- Cơ sở vật chất: Trường THCS Thị trấn bao gồm các khối công trình: Nhà học 02 tầng với 12 phòng học xây dựng từ năm 2002; Khối nhà học bộ môn 02 tầng bố trí 02 phòng học bộ môn, 01 hội trường và 02 phòng họp tổ chuyên môn; khối nhà học bộ môn 01 tầng và nhà hướng nghiệp bố trí 02 phòng học bộ môn (Phòng Âm nhạc và Mĩ thuật)

Nhà hiệu bộ 01 tầng, 01 nhà đa năng và các công trình phụ trợ.

***5.2. Về tài sản:***

- Đơn vị thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng của đơn vị. Các danh mục tài sản kiểm kê không thừa không thiếu, còn sử dụng được gồm:

+ Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp: 12 danh mục.

+ Máy móc thiết bị: 28 danh mục.

+ Tài sản khác: 50 danh mục.

**6. Về chế độ của cán bộ giáo viên và học sinh**

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được hưởng các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS. Nhà trường chi trả chế độ cho giáo viên, nhân viên theo qui định hiện hành.

+ Chế độ thừa giờ theo Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT - BNV- BTC, ngày 08/3/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập;

- Đối với học sinh: Nhà trường chi trả chế độ cho học sinh học tập trong nhà trường theo quy định hiện hành.

+ Đối với học sinh nhà trường hiện nay đang được hưởng chế độ chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

**7. Về tài chính**

- Từ năm 2022 thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022-TT- BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

- Đối với ngân sách nhà nước cấp:

+ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN đến hết quí I/2024 - Mẫu số 20a ký hiệu 01a-SDKP/ĐVDT (có biểu đối chiếu kèm theo)

 *ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số DT cấp đầu** **năm 2024** | **Số DT sử dụng đến 31/3/2024** | **Số DT còn lại** |
| 1 | Nguồn 12 | 572.050.000 | 19.800.000 | 552.250.000 |
| 2 | Nguồn 13 | 5.398.651.000 | 1.330.273.148 | 4.068.337.852 |
|  | **Tổng** | **5.970.701.000** | **1.350.073.148** | **4.620.627.852** |

**II. TRƯỜNG THPT CÔ TÔ**

**1. Đặc điểm tình hình**

- Trường THPT Cô Tô là đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập vào năm 2006. Trường đóng trên địa thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô.

- Trường THPT Cô Tô thuộc sự quản lí trực tiếp của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**2. Quy mô lớp, học sinh**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số liệu** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Năm học 2023-2024** |
| 1 | Tổng số học sinh/lớp | 218/9=24,3 | 220/9=24,5 | 234/9=26 | 240/9=26,7 |
| Khối lớp **10** | 69/3 | 90/3 | 85/3 | 71/3 |
| Khối lớp **11** | 76/3 | 68/3 | 85/3 | 84/3 |
| Khối lớp **12** | 75/3 | 76/3 | 64/3 | 85/3 |

**3. Công tác đảm bảo chất lượng và kết quả 2 mặt giáo dục**

Bám sát sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT tỉnh Quảng Ninh, cấp ủy chính quyền địa phương, nhà trường luôn chủ động xây dựng và triển khai kế hoạch các năm học linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tiễn. Năm học 2023-2024, nhà trường triển khai dạy học hai chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GD&ĐT (chương trình GDPT 2018 đối với khối 10,11 và chương trình GDPT 2006 đối với khối 12). Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao. Thực hiện tốt các phương pháp, hình thức dạy học và kiểm tra, đánh giá tích cực; đa dạng hóa các hình thức học tập, chú trọng các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, nghiên cứu khoa học của học sinh; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học. Vận động giáo viên quan tâm bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém miễn phí ngoài giờ chính khóa, nhất là những nội dung khó trong quá trình, dạy học trực tuyến, giao bài làm trực tuyến trên các nền tảng. Tổ chức lấy ý kiến góp ý của học sinh về phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá của giáo viên thông qua hình thức phiếu hỏi hoặc trực tiếp tại Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và học sinh. Phân công những giáo viên có kinh nghiệm, năng lực chuyên môn tốt tham gia dạy ôn thi tốt nghiệp, bồi dưỡng học sinh giỏi. Tổ chức các đợt thi thử tốt nghiệp THPT, học sinh giỏi cấp trường, kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ theo hình thức tập trung.

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, trang bị kiến thức, kỹ năng về lựa chọn nghề nghiệp, khởi nghiệp nhằm thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp của học sinh. Tổ chức tư vấn định hướng sớm ngay từ lớp 10 để đến lớp 12 học sinh có sự lựa chọn tổ hợp môn thi tốt nhất, phù hợp với năng lực, sở trường và nghề nghiệp tham gia vào thị trường lao động sau khi tốt nghiệp THPT.

Nhà trường quan tâm, chú trọng đào tạo đội ngũ: Tổ chức các Hội nghị, Hội thảo, sinh hoạt chuyên môn nhằm giúp giáo viên được học tập, trao đổi kinh nghiệm. Bồi dưỡng nhận thức chính trị cho đội ngũ trong các kỳ họp chi bộ, cơ quan hoặc các đợt sinh hoạt chính trị; khen thưởng kịp thời giáo viên có thành tích cao trong công tác giảng dạy; tiếp nhận thông tin phản ánh về đội ngũ để kịp thời bồi dưỡng, điều chỉnh với các hình thức khác nhau qua Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và học sinh. Đẩy mạnh sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, xây dựng kế hoạch, lịch sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học cho từng tổ chuyên môn, cụ thể tới từng giáo viên; sắp xếp thời khóa biểu hợp lý để các tổ, nhóm chuyên môn chuẩn bị bài dạy, dạy minh họa và góp ý.

Ngoài ra, nhà trường luôn quan tâm đến giáo dục toàn diện, giáo dục thể chất, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh thông qua hoạt động các câu lạc bộ trong nhà trường, các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, ngoại khóa, các chương trình hoạt động xã hội, tình nguyện; tham gia tích cực các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động chính trị tại địa phương; tổ chức cuộc thi tìm hiểu về nhà trường, viết về thầy cô giáo; tổ chức các tiết dạy giáo dục truyền thống, lịch sử nhà trường nhằm giáo dục tình yêu quê hương, đất nước, yêu trường, lớp, thầy, cô và bạn bè…

\* Kết quả hai mặt giáo dục:

-Học lực

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Năm học | Tổng số HS | Học lực |
| Giỏi | Khá | TB/Đạt | Yếu/Chưa đạt |
| SL | TL(%) | SL | TL(%) | SL | TL(%) | SL | TL(%) |
| 1 | 2019-2020 | 218 | 25  | 11.47 | 129  | 59.17 | 64  | 29.36 | 0 | 0 |
| 2 | 2020-2021 | 220 | 37  | 16.82 | 142 | 64.55 | 40  | 18.18 | 0 | 0 |
| 3 | 2021-2022 | 234 | 38  | 16.24 | 125  | 53.42 | 67  | 28.63 | 3  | 1.28 |
| 4 | 2022-2023 | 235 | 40 | 17,02 | 105 | 44,68 | 87 | 37,02 | 3 | 1,27 |
| 5 | 2023-2024 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Hạnh kiểm/Rèn luyện

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Năm học | Tổng số HS | Hạnh kiểm/Rèn luyện |
| Tốt | Khá | TB/Đạt | Yếu/Chưa đạt |
| SL | TL(%) | SL | TL(%) | SL | TL(%) | SL | TL(%) |
| 1 | 2019-2020 | 218 | 144 | 66.06 | 61 | 27.98 | 13 | 5.96 | 0 | 0 |
| 2 | 2020-2021 | 220 | 159 | 72.27 | 56 | 25.45 | 5 | 2.27 | 0 | 0 |
| 3 | 2021-2022 | 234 | 158 | 67.52 | 61 | 26.07 | 12 | 5.13 | 3 | 1.28 |
| 4 | 2022-2023 | 235 | 158 | 67,23 | 62 | 26,38 | 11 | 4,68 | 3 | 1,27 |
| 5 | 2023-2024 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**4. Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên** (số liệu đến ngày 31/4/2024)

*\* Thông tin về đội ngũ:*

- Trường THPT Cô Tô có 02 Tổ chuyên môn và 01 Tổ văn phòng bao gồm:

+ Tổ Tự nhiên: 9 người, gồm giáo viên các bộ môn Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Công nghệ.

+ Tổ Xã hội: 12 người, gồm các bộ môn Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Giáo dục công dân, Thể dục, Tiếng Anh.

+ Tổ Văn phòng: 6 người, gồm nhân viên thực hiện công tác văn thư, kế toán, thủ quỹ, thư viện, bảo vệ, lao công.

-Chi bộ trường THPT Cô Tô trực thuộc Đảng bộ huyện Cô Tô với 19 đảng viên.

- Công đoàn có 23 đoàn viên.

- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 9 Chi đoàn trực thuộc Huyện đoàn Cô Tô.

- Tổng số nhân sự của trường là 27 người (23 biên chế, 04 hợp đồng (03 nhân viên làm bảo vệ - 01 Lao công vệ sinh), trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 02 người (01 Hiệu trưởng; 01 Phó Hiệu trưởng)

+ Giáo viên: 18 người.

+ Nhân viên có 06 người, trong đó có 03 viên chức (01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên thư viện, nhân viên thiết bị; 01 nhân viên y tế); 04 hợp đồng (03 bảo vệ, 01 vệ sinh).

\* Cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: Hạng I: 0; Hạng II: 6; Hạng III: 15; Hạng IV và tương đương: 2

\* Về chất lượng đội ngũ:

- 100% CB, GV, NV đạt chuẩn và trên chuẩn, trong đó: trình độ thạc sĩ 02, trình độ đại học 20; trình độ lý luận chính trị: cao cấp 0, trung cấp 07, đang học cao cấp 01.

- 100% CB, GV, NV được xếp loại viên chức từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Hằng năm CB, GV, NV nhà trường đã có nhiều giải pháp, sáng kiến kinh nghiệm nâng cao chất lượng giáo dục được cấp có thẩm quyền công nhận.

- Số lượng giáo viên dạy giỏi cấp trường (năm học 2023 - 2024): 16 (chiếm 88,8% tổng biên chế giáo viên); Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh: 02 (chiếm 11,1% tổng biên chế giáo viên).

**5. Về cơ sở vật chất**

- Tổng diện tích 16.214m2.

 - Cơ sở vật chất: Được đầu tư xây dựng năm 2010 bao gồm: Khối nhà học lý thuyết 03 tầng có 12 phòng học. Khối nhà học bộ môn 03 tầng có 6 phòng. Khối nhà hành chính quản trị và phục vụ học tập 02 tầng. Nhà tập đa năng 01 tầng. Khối nhà công vụ dành cho giáo viên 02 tầng gồm 12 phòng ở ghép, nhà ăn. Khối nhà ở nội trú dành cho học sinh 01 tầng. Nhà để xe. Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà trực bảo vệ, cổng, tường rào, bể chứa nước sinh hoạt và cứu hỏa, bồn cây xanh, hệ thống cấp nước, thoát nước ngoài nhà...Số phòng học: 12 phòng lý thuyết; 06 phòng học bộ môn.

**6. Về chế độ của cán bộ giáo viên và học sinh**

- Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường được hưởng các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THPT:

+ Thông tư số số 08/2013/TT-BNV, ngày 31/7/2013 của Bộ Nội vụ về việc “Hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lao động; Thông tư số 03/2021/TT-BNV, ngày 29/6/2021 của Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung chế độ nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn và chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

+ Quyết định số 2648/QĐ-SGD&ĐT, ngày 23/11/2017 của Sở Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế nâng bậc lương thường xuyên, nâng phụ cấp thâm niên vượt khung, nâng bậc lương trước thời hạn đối với công chức, viên chức, người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

+ Nghị định số 77/2021/NĐ-CP, ngày 01/8/2021 của Chính Phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo.

+ Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND, ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc Ban hành quy định quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, chức, viên chức, lao động hợp đồng trong cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và người quản lý doanh nghiệp trong doanh nghiệp góp vốn của chủ sở hữu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đối với học sinh: thực hiện chế độ theo:

+ Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND, ngày 30/7/2019 cảu HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong cơ sở giáo dục mầm non, Phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

+ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, ngày 27/8/2021 của Chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

+ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC, ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

+ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND, ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

**7. Về tài chính**

- Từ năm 2022 thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 56/2022-TT- BTC, ngày 16/09/2022 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

 - Đối với ngân sách Nhà nước cấp:

+ Bảng đối chiếu dự toán kinh phí ngân sách bằng hình thức rút dự toán tại KBNN dự kiến đến hết quí I/2024 - Mẫu số 20a ký hiệu 01a-SDKP/ĐVDT (có biểu đối chiếu kèm theo).

 *ĐVT: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Số DT cấp đầu năm 2024** | **Số DT sử dụng đến hết ngày 31/3/2024** | **Số dự toán còn lại** |
| 1 | Nguồn 12 | 789.987.000 | 11.067.600 | 778.919.400 |
| 2 | Nguồn 13 | 5.846.000.000 | 1.228.384.957 | 4.617.615.043 |
|  | **Tổng** | **6.635.987.000** | **1.239.452.557** | **5.396.534.443** |

**Phần thứ ba**

**NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP**

 **I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG**

 **1. Quan điểm**

Tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về phát triển giáo dục - đào tạo; thực hiện có hiệu quả chủ trương của Tỉnh ủy tại Thông báo số 555-TB/TU, ngày 30/3/2022 “*sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, trước mắt ưu tiên nguồn lực ở những nơi còn nhiều khó khăn*”; phát huy hiệu quả đã đạt được, kịp thời khắc phục khó khăn hạn chế, Đề án xây dựng theo các quan điểm cụ thể sau: (***i1)*** Giảm đầu mối các đơn vị sự nghiệp công lập theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII. ***(i2)*** Sắp xếp các trường học theo hướng thành lập các trường liên cấp (THCS, THPT) trên địa bàn thị trấn Cô Tô đảm bảo thuận lợi, đủ điều kiện cho người học. ***(i3)*** Không làm xáo trộn việc tổ chức dạy học, giáo dục của nhà trường. ***(i4)*** Tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại 02 trường THCS và THPT trên địa bàn thị trấn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị. ***(i5)*** Sắp xếp trường lớp đi đôi với việc sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

**2. Mục tiêu**

2.1. Mục tiêu tổng quát: Sắp xếp tinh gọn đơn vị sự nghiệp công lập, nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phù hợp với nhu cầu và điều kiện phát triển của địa phương, tạo điều kiện cho trường học có quy mô và cơ sở vật chất phù hợp, đảm bảo tiêu chuẩn giáo viên và chương trình giảng dạy, tăng cường hiệu quả quản lý và sử dụng nguồn lực; Tạo điều kiện thuận lợi để đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tại 02 trường THCS và THPT trên địa bàn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục của đơn vị. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống trường THCS, THPT trên địa bàn nhằm ổn định lâu dài, vừa tranh thủ chủ trương nguồn lực đầu tư trường học, đáp ứng được nhu cầu học tập của Nhân dân, vừa đảm bảo quy mô để nâng cao chất lượng giáo dục; đảm bảo diện tích khuôn viên; có cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục theo tiêu chí chất lượng lượng cao của Tỉnh.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- **Giai đoạn 1**: (2024-2026) Đầu tư xây dựng các hạng mục trường lớp, phòng bộ môn, khu hiệu bộ, các công trình phụ trợ....dành cho hoạt động của khối THCS.

- **Giai đoạn 2:** Khi triển khai xây dựng sân bay theo quy hoạch tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 thì sẽ tiến hành đầu tư, xây dựng thêm khối phòng học lý thuyết, phòng bộ môn dành cho khối THPT và tổ chức sáp nhập.

**II. LOẠI HÌNH, TÊN GỌI**

**1. Loại hình:** Trường công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân.

**2. Tên gọi:** Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông Cô Tô, viết tắt là “Trường THCS&THPT Cô Tô”.

**III. ĐỊA ĐIỂM CỦA TRƯỜNG**

Trường THCS&THPT Cô Tô sau sáp nhập được đặt tại Khu 2, thị trấn Cô Tô, huyện Cô Tô.

**IV. VỊ TRÍ, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC**

**1. Vị trí, chức năng**

Trường THCS&THPT Cô Tô là trường công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, là đơn vị sự nghiệp công lập kinh phí hoạt động thuộc ngân sách nhà nước. Trường có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Trường THCS&THPT Cô Tô do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô xây dựng nội dung phối hợp quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục liên quan đến nhà trường.

**2. Nhiệm vụ của trường**

Trường THCS&THPT Cô Tô thực hiện các nhiệm vụ của trường trung học quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

***(1)*** Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.

***(2)*** Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.

***(3)*** Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***(4)*** Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.

***(5)*** Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.

***(6)*** Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.

***(7)*** Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

***(8)*** Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.

***(9)*** Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

***(10)*** Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.

***(11)*** Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.

***(12)*** Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

**3. Về quy mô số lớp, số học sinh sau khi sáp nhập**

| **Năm học** | **THCS** | **THPT** | **Tổng toàn trường** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp** | **Số HS** | **Số lớp** | **Số HS** | **Số lớp** | **Số HS** |
| 2030 - 2031 | 8 | 288 | 10 | 347 | 18 | 635 |

**4. Về cơ cấu tổ chức bộ máy**

***4.1. Cán bộ quản lý:*** 03 người, gồm:

- Hiệu trưởng: 01 người.

- Phó Hiệu trưởng: 02 người (Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập).

***4.2. Các Tổ chuyên môn trong nhà trường***

Trên cơ sở sáp nhập các tổ chuyên môn hiện tại của 02 trường, dự kiến bố trí số lượng tổ chuyên môn gồm 05 tổ: 01 Tổ văn phòng; 02 tổ chuyên môn tự nhiên (THCS, THPT); 02 tổ chuyên môn xã hội (THCS, THPT).

***4.3. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường:***

- Tổ chức Đảng: Sau sáp nhập, căn cứ số lượng đảng viên, tiến hành thành lập Đảng bộ trường THCS&THPT Cô Tô trực thuộc Đảng bộ huyện Cô Tô.

- Cơ cấu bộ máy tổ chức trường THCS&THPT Cô Tô gồm: Hội đồng trường, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, Hội đồng kỷ luật theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**5. Về biên chế, số người làm việc**

***5.1. Số lượng người làm việc*:** Bố trí theo định mức quy định tại Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT, ngày 30/10/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập; Quyết định số 14/2024/QĐ-UBND, ngày 15/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh quyết định ban hành định mức kinh tế- kỹ thuật áp dụng trong lĩnh vực giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, cụ thể:

a) Vị trí việc làm lãnh đạo quản lý (02 vị trí):

- Vị trí việc làm 1: Hiệu trưởng được bố trí 01 người (hiện có 02 Hiệu trưởng cấp THCS và THPT, phương án thực hiện điều động luân chuyển về Hiệu trưởng trường thuộc huyện hoặc đơn vị thuộc huyện).

- Vị trí việc làm 2: Phó Hiệu trưởng được bố trí 02 người (hiện có 02 người, trong đó 01 Phó Hiệu trưởng cấp THPT, 01 Phó Hiệu trưởng cấp THCS).

b) Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành:

- Vị trí việc làm giáo viên: Định mức 38 người, trong đó bố trí 01 giáo viên làm tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh.

 + Vị trí việc làm giáo viên trung học cơ sở: Theo định mức quy định (09 lớp x 1,9 GV/lớp = 15,2 giáo viên); 01 giáo viên làm tổng phụ trách đội. Tổng cần 16 giáo viên, trường hiện có 15 giáo viên, thiếu 01 người).

+ Vị trí việc làm giáo viên trung học phổ thông: Theo định mức quy định (10 lớp x 2,25 GV/lớp = 22,25 giáo viên), hiện trường có 18 người, thiếu 04 người.

- Vị trí việc làm thiết bị, thí nghiệm: Theo định mức được bố trí 01 người, hiện có 01 người (Trường THCS Thị trấn 01 nhân viên).

- Vị trí việc làm giáo vụ: Theo định mức được bố trí 01 người (hiện chưa có).

- Vị trí việc làm Tư vấn học sinh: Theo định mức được bố trí 01 người (hiện chưa có).

- Vị trí việc làm giáo dục người khuyết tật: Theo định mức được bố trí 01 người (hiện chưa có).

c) Vị trí việc làm nhân viên chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung

+ Vị trí việc làm thư viện, quản trị công sở: Theo định mức được 02 người, hiện trường THPT Cô Tô có 01 nhân viên thư viện. Như vậy, thiếu 01 nhân viên quản trị công sở.

+ Vị trí **v**ăn thư, thủ quĩ, kế toán: Theo định mức được 02 người, hiện có 02 nhân viên kế toán. 01 nhân viên văn thư, thủ qũy. (Điều chuyển 01 nhân viên kế toán sang trường khác).

+ Vị trí nhân viên Y tế: Theo định mức được bố trí 01 người, hiện có 02, thừa 01 (sẽ điểu chuyển sang trường khác 01).

d) Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ

- Vị trí việc làm phục vụ: 02 người.

- Vị trí việc làm bảo vệ: 03 người.

Định mức số lượng người làm việc theo quy định là: 50 người (không tính vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ)

***5.2. Phương án bố trí sắp xếp đội ngũ sau sáp nhập:***

- Tổng số người làm việc của trường mới sau sáp nhập có phương án bố trí, sắp xếp phù hợp, quyền lợi được đảm bảo, tổng **50** người (không tính vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ), cụ thể như sau:

| **STT** | **Vị trí** **việc làm** | **Số lượng NLV hiện có trường THCS Thị trấn** | **Số lượng NLV hiện có trường THPT**  | **Số lượng NLV bố trí tại trường mới sau sáp nhập** | **Thừa (+)/Thiếu (-)** | **Phương án**  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I** | **Lãnh đạo quản lý** |  |  |  |  |  |
| 1 | Hiệu trưởng | 01 | 01 | 01 | + 01 | Điều chuyển 01 sang trường khác  |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 01 | 01 | 02 |  |  |
| **II** | **Nghiệp vụ chuyên ngành** |  |  |  |  |  |
| 1 | Giáo viên | 15 | 18 | 33 | -02 | + Môn Anh: Hiện nay, các trường phổ thông trực thuộc UBND huyện còn thiếu 02 GV Tiếng Anh; Theo số lớp cần GV tiếng Anh của trường THCS&THPT Cô Tô là 03 GV (Trường THPT Cô Tô có 01 GV tiếng Anh, trường THCS Thị trấn Cô Tô không có GV). Do đó cần tuyển dụng 01 GV tiếng Anh + Môn Tin: Hiện tại mỗi trường có 01 giáo viên Tin học, cần có 01 giáo viên Tin học, điều chuyển 01 giáo viên Tin sang trường phổ thông thuộc huyện |
| 2 | Nhân viên Thiết bị, thí nghiệm | 0 | 01 | 01 |  |  |
| 3 | Giáo vụ | 0 | 0 | 0 | -1 |  |
| 4 | Tư vấn học sinh | 0 | 0 | 0 | -1 |  |
| 5 | Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | 0 | 0 | 01 | -1 |  |
| **III** | **Nghiệp vụ chuyên môn dùng chung** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thư viện | 0 | 01 | 01 |  |  |
| 2 | Quản trị công sở | 0 | 0 | 01 |  |  |
| 3 | Kế toán | 01 | 01 | 01 |  +01 | Dôi dư 01 nhân viên Kế toán trường THCS Thị trấn Cô Tô, phương án thực hiện luân chuyển đến làm nhân viên Kế toán trường trực thuộc UBND huyện. |
| 4 | Văn thư, thủ quĩ | 01 | 01 | 01 | +1 | Điều chuyển 01 sang trường khác |
| 5 | Nhân viên Y tế | 01 | 01 | 01 | +01 | Dôi dư 01 nhân viên Y tế trường THCS Thị trấn Cô Tô, thực hiện luân chuyển đến làm nhân viên Y tế trường trực thuộc UBND huyện. |
| **IV** | **Hỗ trợ, phục vụ** |  |  |  |  |  |
| 1 | Phục vụ | 01 | 01 | 02 |  |  |
| 2 | Bảo vệ | 01 | 02 | 03 |  |  |

**6. Về chế độ chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh**

 Lãnh đạo quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường sau sáp nhập tiếp tục được hưởng các chế độ, chính sách đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trường Trung học phổ thông có nhiều cấp học và các quy định hiện hành khác.

**7. Về phương án sắp xếp cơ sở vật chất**

- Quỹ đất: Quy hoạch trường liên cấp tại khu đất ở Khu 2, thị trấn Cô Tô. Diện tích khoảng 1,79 ha. Chia làm 2 giai đoạn:

**\* Giai đoạn 1**: Đầu tư các hạng mục dành cho cấp THCS bao gồm:

Khối nhà học tập cấp THCS 04 tầng; Khối nhà hiệu bộ và phục vụ học tập 04 tầng; Khối nhà đa năng 01 tầng. Các hạng mục phụ trợ: Khu thể dục thể chất; cổng tường rào; bể nước sinh hoạt và PCCC; nhà trực; khu xử lý nước thải; nhà vận hành điện nước; điểm thu gom rác thải; nhà để xe; hành lang cầu kết nối các khối nhà; Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: San nền; kè chắn đất; đường giao thông đấu nối HTKT; hệ thống cấp nước; thoát nước; cấp điện chiếu sáng; trạm biến áp; chống mối; thông tin liên lạc; sân; bó vỉa bồn hoa; cây xanh; phòng cháy chữa cháy…và một số hạng mục khác

 - **Về quy mô đầu tư giai đoạn 1 của dự án**:

+ Xây mới khối nhà hiệu bộ và phục vụ học tập 04 tầng gồm: 01 phòng Y tế, 01 phòng tư vấn học đường hỗ trợ học sinh khuyết tật, 01 thư viện (phòng đọc giáo viên, phòng đọc học sinh, kho sách, thủ thư), 01 phòng họp, 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 văn phòng, 01 phòng Đoàn đội, 01 phòng Truyền thống, 01 kho dụng cụ học tập, 01 phòng Tin học, 01 phòng Ngoại ngữ, 01 phòng Công nghệ và chuẩn bị, 02 phòng tổ chuyên môn, 01 phòng Đa chức năng, 01 phòng Âm nhạc, 01 phòng Mỹ thuật, khu vệ sinh giáo viên riêng biệt. Trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

+ Xây mới khối học 04 tầng gồm: 12 phòng học lý thuyết, 01 phòng thiết bị giáo dục, 01 phòng giáo viên, 01 phòng tổ chức Đảng đoàn thể, 02 phòng Khoa học tự nhiên và chuẩn bị, 02 phòng Khoa học xã hội, 04 phòng nghỉ giáo viên, khu vệ sinh học sinh nam nữ bố trí riêng biệt tại từng tầng. Trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

+ Xây mới khối nhà đa năng 01 tầng gồm: Bố trí 02 sân tập cầu lông, 01 phòng kho, 02 phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt, 01 sân khấu biểu diễn. Trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

Các hạng mục phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật đầu tư đồng bộ, đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng theo quy định hiện hành, đảm bảo theo đạt tiêu chuẩn mức độ 2 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

**\* Giai đoạn 2**: Khi triển khai xây dựng sân bay theo quy hoạch tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 thì sẽ tiến hành đầu tư, xây dựng thêm khối phòng học lý thuyết, phòng bộ môn dành cho khối THPT. Cụ thể:

Đầu tư xây thêm khối học 04 tầng gồm: 10 phòng học lý thuyết 65m2/phòng và các phòng học bộ môn (phòng âm nhạc, phòng tin học, khoa học xã hội, sinh học, hóa học, ngoại ngữ, mỹ thuật, vật lý, công nghệ, đa chức năng). Trang bị đầy đủ thiết bị, đảm bảo chất lượng đạt tiêu chuẩn quy định.

Khu nhà dành cho học sinh nội trú (3 tầng) với 12 phòng, mỗi tầng bố trí 04 phòng, diện tích mỗi phòng 24m2

Việc xử lý tài sản theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP, ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

Ngay sau khi Đề án được phê duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô đề xuất triển khai dự án đầu tư trường THCS&THPT Cô Tô giai đoạn 1, bảo đảm cơ sở vật chất đảm bảo theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành quy định cơ sở vật chất các trường Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

**8. Về tài chính**

\*. Trường THCS Thị trấn Cô Tô, Trường THPT Cô Tô có trách nhiệm:

- Rà soát dự toán, đối chiếu và chốt số liệu với Kho bạc nhà nước tại thời điểm bàn giao; chốt số công nợ phải thu, phải trả;

- Đề nghị cơ quan thuế thực hiện quyết toán, đóng mã số thuế;

- Kiểm kê số dư bằng tiền của các quỹ; chốt số dư nguồn cải cách tiền lương trên tài khoản tiền gửi;

- Giải quyết các chế độ theo đúng quy định đến thời điểm sáp nhập; Thống kê và bàn giao đầy đủ, nguyên trạng tài sản, công nợ, quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, các quyền và nghĩa vụ khác kèm theo hồ sơ chứng từ có liên quan cho Trường THCS&THPT Cô Tô;

- Bàn giao công tác kế toán cho Trường THCS&THPT Cô Tô.

\*. Trường THCS&THPT Cô Tô thực hiện các công việc kế toán theo quy định tại Luật Kế toán và có trách nhiệm:

- Đối chiếu và chốt số liệu với Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh.

- Lập báo cáo cáo tài chính, báo cáo quyết toán theo quy định của chế độ kế toán đơn vị sự nghiệp công.

- Báo cáo Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cô Tô, Phòng Tài chính - Kế hoạch và Công Thương huyện Cô Tô thực hiện quyết toán và kiểm tra các khoản kinh phí được cấp.

- Đề nghị cơ quan thuế thực hiện quyết toán, đóng mã số thuế.

- Kiểm kê số dư bằng tiền của các quỹ, và số dư nguồn cải cách tiền lương.

- Tiếp nhận công tác kế toán của Trường THCS Thị trấn Cô Tô và Trường THPT Cô Tô; đăng ký mã số thuế và mã số quan hệ ngân sách mới để tiếp nhận kinh phí ngân sách.

- Tiếp tục thanh toán, chi trả các chế độ chính sách cho người lao động; Thống kê, phân loại tài sản sáp nhập và đề xuất xử lý (nếu có), công nợ, quyền sử dụng đất, các hợp đồng kinh tế, các quyền và nghĩa vụ khác kèm theo hồ sơ chứng từ có liên quan

Cơ chế Tài chính hoạt động theo cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; được thực hiện quyền tự chủ theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP, ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC, ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hương dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Mức tự chủ tài chính của đơn vị trường Trường THCS&THPT Cô Tô đảm bảo quy định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP, ngày 07/10/2020 của Chính phủ.

**9. Trách nhiệm của người đứng đầu**

Thực hiện theo Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**10. Thời gian thực hiện:**

**\* Giai đoạn 1 (2024- 2026)**: Đầu tư các hạng mục dành cho cấp THCS.

**\* Giai đoạn 2**: Khi triển khai xây dựng sân bay theo quy hoạch tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 thì sẽ tiến hành đầu tư, xây dựng thêm khối phòng học lý thuyết, phòng bộ môn dành cho khối THPT và tiến hành sáp nhập.

**V. GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN SÁP NHẬP TRƯỜNG**

- Trường THCS&THPT Cô Tô là loại hình trường công lập, trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Việc sáp nhập sẽ giúp công tác giáo dục cấp học phổ thông trên địa bàn huyện Cô Tô được đảm bảo. Học sinh tiếp tục được trực tiếp hưởng các chế độ đãi ngộ của Nhà nước. Ngoài ra, việc sáp nhập sẽ tạo điều kiện thuận lợi trong việc phân công giáo viên trong nhà trường, khắc phục tình trạng thừa, thiếu giáo viên cục bộ (do giáo viên bậc học THCS và THPT có cùng chuyên môn, ngành đào tạo theo các bộ môn học; có cùng năng lực, trình độ nên sẽ hỗ trợ giữa 2 bậc học về chuyên môn giảng dạy.

- Việc sáp nhập 02 trường có cơ sở pháp lý, đúng quy định hiện hành về sáp nhập, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập. Sau sáp nhập sẽ giảm 01 đầu mối đơn vị sự nghiệp công lập, phù hợp với chủ trương của Trung ương, của tỉnh về tinh giản tổ chức bộ máy, biên chế.

**VI. PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ LỘ TRÌNH TRIỂN KHAI HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG TRƯỜNG THCS&THPT CÔ TÔ**

**1. Phương án tổ chức thực hiện**

Sau sáp nhập, nhà trường tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định tại Điều lệ trường phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Trung học cơ sở, trường Trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Nhà trường tiến hành đề nghị thành lập Hội đồng trường, xây dựng quy chế làm việc; thành lập các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường; xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông theo quy định tại Điều lệ trường trung học.

**2. Lộ trình triển khai, thực hiện**

**2.1. Giai đoạn 1**: (2024-2026) Đầu tư xây dựng các hạng mục trường lớp, phòng bộ môn, khu hiệu bộ, các công trình phụ trợ....dành cho hoạt động của khối THCS.

**2.2. Giai đoạn 2:** Khi triển khai xây dựng sân bay theo quy hoạch tại Quyết định số 3898/QĐ-UBND, ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt quy hoạch chung tỷ lệ 1/10.000 huyện đảo Cô Tô tỉnh Quảng Ninh đến năm 2040, tầm nhìn đến 2050 thì sẽ tiến hành đầu tư, xây dựng thêm khối phòng học lý thuyết, phòng bộ môn dành cho khối THPT và tiến hành sáp nhập.

**3. Phương án xử lý cơ sở vật chất**

- Đối với cơ sở vật chất trường THCS thị trấn hiện tại: Tiến hành cải tạo, nâng cấp để chuyển trường mầm non Cô Tô về hoạt động, xây dựng trường chuẩn quốc gia mức độ 2 (vị trí trường mầm non Cô Tô hiện tại diện tích rất hẹp, không đủ tiêu chuẩn về diện tích theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

- Đối với cơ sở vật chất của trường THPT Cô Tô hiện tại: Do vị trí hiện tại của trường THPT nằm trong quy hoạch sân bay nên khi dự án thực hiện sẽ tổ chức đánh giá tài sản, lên phương án xử lý, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

**Phần thứ tư:**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Cô Tô**

Chủ trì, phối hợp tham mưu cho UBND huyện Cô Tô xây dựng đề án, sáp nhập 2 trường. Cùng Ủy ban nhân dân thị trấn Cô Tô, UBND các xã tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và ý thức tránh nhiệm của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên Trường THCS&THPT Cô Tô và cha mẹ học sinh trên địa bàn đối với việc thực hiện chủ trương sáp nhập.

**2. Phòng Nội vụ huyện Cô Tô, Phòng Tổ chức cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh**

Tham mưu các nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách để hoàn thiện Đề án như: Việc giao số người làm việc, sắp xếp, bố trí cán bộ giáo viên, nhân viên sau sáp nhập đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp.

**3. Phòng Tài chính - Kế hoạch và Công Thương huyện Cô Tô, Phòng Tài chính - Kế hoạch Sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh**

Phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Giáo dục và Đào tạo và đơn vị liên quan hướng dẫn công tác về công tác tài chính, tài sản của trường khi thực hiện sáp nhập.

**4. Phòng Tài nguyên và Môi trường và Nông nghiệp huyện Cô Tô; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cô Tô; Ủy ban nhân dân thị trấn Cô Tô**

Phòng Tài nguyên và Môi trường và Nông nghiệp huyện Cô Tô chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát kịp thời tham mưu đề xuất lập, thẩm định, phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh các quy hoạch, kế hoạch về đất đai, xây dựng cho phù hợp, đảm bảo ngay sau khi Đề án được cấp thẩm quyền phê duyệt thì đủ điều kiện để tổ chức lập, phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án đầu tư theo quy định và sớm triển khai thi công, hoàn thành giai đoạn I của dự án theo tiến độ Đề án được phê duyệt.

**5. UBND các xã, thị trấn**

- Phối hợp với phòng Giáo dục và Đào tạo, các ban, ngành, đoàn thể làm tốt công tác tuyên truyền trong nhân dân, cha mẹ học sinh để hiểu và ủng hộ về chủ trương, sự cần thiết phải sáp nhập 02 trường THCS thị trấn Cô Tô và THPT Cô Tô.

- Ủy ban nhân dân thị trấn Cô Tô phối hợp với Phòng Tài nguyên và Môi trường và Nông nghiệp và các đơn vị liên quan rà soát quỹ đất phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, để xây dựng Trường THCS&THPT Cô Tôgiai đoạn 1.

**6. Trường THCS thị trấn và trường THPT Cô Tô**

Đẩy mạnh tuyên truyền để phụ huynh, học sinh, Nhân dân trên địa bàn huyện có nhận thức đúng về chủ trương sáp nhập hai trường. Có kế hoạch ổn định, duy trì các nề nếp và chất lượng hoạt động, giảng dạy của nhà trường sau sáp nhập.

**7. Đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức chính trị - xã hội huyện**

 Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, đề nghị Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức - chính trị xã hội huyện tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân, đoàn viên, hội viên tham gia tích cực việc thực hiện các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo huyện.

Trên đây là nội dung Đề án sáp nhập trường THCS thị trấn và trường THPT Cô Tô thành Trường THCS&THPT Cô Tô của Ủy ban nhân dân huyện Cô Tô./.

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| ***Nơi nhận***:- Ủy ban nhân dân tỉnh;- Sở GD&ĐT; Sở Nội vụ; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Xây dựng,  Sở Tư pháp- TT Huyện ủy, HĐND, UBND huyện;- Ban Tổ chức Huyện ủy;- Ban Tuyên giáo Huyện ủy;- UB MTTQ và các tổ chức CT-XH huyện;- Phòng GD&ĐT, TC- KH&CT, Nội vụ TNMT&NN, Tư pháp; Ban QLDA huyện;- Đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;- Các trường: THCS thị trấn Cô Tô; Trường THPT Cô Tô;- Lưu: VP, GDĐT.  | **T.M ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH****Nguyễn Việt Dũng**  |